

Tiền Giang, ngày 05 tháng 4 năm 2023

Số: 76a/QĐ-BQLDADDCN

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán thu, chi quản lý dự án
Quý I năm 2023 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình
dân dụng và công nghiệp tỉnh Tiền Giang**

GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Tiền Giang; Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 22/3/2017 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Tiền Giang; Quyết định số 3565/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 về việc điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Tiền Giang; Quyết định số 3630/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 về việc điều chỉnh Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Tiền Giang;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao quyền và phân loại mức tự chủ tài chính đối với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 143/QĐ-BQLDADDCN ngày 27/5/2022 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh về việc ban hành Quy chế công khai minh bạch;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi quản lý dự án Quý I năm 2023 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Tiền Giang (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Chánh Văn phòng Ban Quản lý dự án, Trưởng các phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, TCKH (Trúc, 5b).

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thanh Phương

UBND TỈNH TIỀN GIANG
BQL DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DD & CN

**CÔNG KHAI THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN
QUÝ I NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 76a/QĐ-BQLDADDCN ngày 05/4/2023 của Ban Quản lý dự án
đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Tiền Giang)

ĐV tính: đồng

MỤC	DIỄN GIẢI	SỐ TIỀN
A	NGUỒN THU	5.817.331.758
I	Thu chi phí từ các dự án được giao (từ nguồn chi thường xuyên)	4.541.179.114
1	Cải tạo, sửa chữa Trường Đại học TG, cơ sở Thân Cửu Nghĩa làm bệnh viện dã chiến phục vụ công tác phòng, chống Covid-19	282.385.000
2	S/c công trình Trụ sở Nhà thiếu nhi TG để sử dụng BV dã chiến số 5	141.107.000
3	Sửa chữa, cải tạo Trường THPT Tân Phước và Trường THCS Thị trấn Mỹ Phước làm khu cách ly y tế phục vụ phòng, chống dịch Covid-19	68.981.000
4	BV y học cổ truyền thành TT hồi sức cấp cứu bệnh nhân Covid -19	137.000.000
5	Hệ thống xử lý nước thải tại BV dã chiến số 6	77.098.114
6	Sửa chữa khu cách ly tại Trung tâm Y tế H. Cai Lậy và TX. Cai Lậy	145.843.000
7	Trường THPT Bình Đông	1.174.508.000
8	Trường THPT Tứ Kiệt	64.137.000
9	Hạ tầng KT xung quanh BVĐK tỉnh	2.109.390.000
10	Đầu tư xây mới TT kiểm nghiệm, kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh TG	217.545.000
11	Trung tâm y tế H. Chợ Gạo	92.948.000
12	Trường THPT Lưu Tấn Phát	30.237.000
II	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn	1.272.575.700
13	Đầu tư hệ thống xử lý chất thải y tế (GD2)	279.606.000
14	Mua sắm trang thiết bị chuyên môn phục vụ khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện đa khoa TG	29.000.000
15	Xây dựng trụ sở Cục thống kê tỉnh Tiền Giang	240.500.000
16	Cải tạo, mở rộng Bệnh viện đa khoa KV Cai Lậy	757.400.000
17	Nộp thuế	(33.930.300)
III	Nguồn thu hợp pháp khác	3.576.944
18	Tiền điện năng lượng trên mái nhà	3.705.444
19	Nộp thuế	(128.500)
B	CÁC KHOẢN CHI	1.390.709.907
6001	Lương theo ngạch, bậc	794.493.300
6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	85.500.000
6101	Phụ cấp chức vụ	23.393.000
6114	Phụ cấp trực	7.800.000

MỤC	DIỄN GIẢI	SỐ TIỀN
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	4.674.600
6123	Phụ cấp công tác Đảng, Đoàn thể chính trị - xã hội	19.668.000
6149	Phụ cấp khác (<i>phụ cấp trách nhiệm, phục cấp độc hại</i>)	6.705.000
6301	Bảo hiểm xã hội	158.676.100
6302	Bảo hiểm y tế	27.203.000
6303	Kinh phí công đoàn	18.162.200
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	9.067.900
6501	Tiền điện	10.469.326
6502	Tiền nước	931.260
6503	Tiền nhiên liệu	20.333.640
6599	Vật tư văn phòng khác	28.348.906
6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax	7.397.890
6603	Cước phí bưu chính	3.709.085
6606	Tuyên truyền; quảng cáo	7.590.000
6608	Phim ảnh; ấn phẩm truyền thông; sách, báo, tạp chí thư viện	1.089.700
6618	Khoản điện thoại	2.700.000
6649	Khác	3.109.000
6701	Tiền vé máy bay, tàu, xe	30.648.000
6702	Phụ cấp công tác phí	780.000
6703	Tiền thuê phòng ngủ	2.600.000
6704	Khoản công tác phí	58.500.000
6749	Chi khác	1.100.000
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	200.000
6913	Tài sản và thiết bị văn phòng	1.160.000
7799	Chi các khoản khác (<i>bảo hộ lao động, bảo trì thang máy, bảo trì hệ thống điện trên mái nhà...</i>)	54.700.000

Tiền Giang, ngày 05 tháng 04 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Thanh Phương

Tiền Giang, ngày 05 tháng 4 năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 76a/QĐ-BQLDADDCN ngày 05/4/2023 của Ban Quản lý dự án

đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Tiền Giang)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Tiền Giang công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý I năm 2023 như sau:

ĐV tính: ngàn đồng					
Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	22.181.333	5.817.332	26,23	12,36
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
2	Chi quản lý hành chính				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.782.896	1.390.710	12,90	12,39
I	Nguồn ngân sách trong nước	10.782.896	1.390.710	12,90	12,39
1	Chi quản lý hành chính	10.782.896	1.390.710	12,90	12,39
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	10.782.896	1.390.710	12,90	12,39
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Thanh Phương